**Phụ lục**

**KHUNG KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CNTT TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

*(Kèm theo Văn bản số /STTTT-CNTT ngày /10/2018 của Sở Thông tin và Truyền thông)*

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ỨNG DỤNG CNTT 2018**

Nội dung này các cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện ứng dụng CNTT theo Kế hoạch ứng dụng năm 2018 đã đặt ra. Kết quả đánh giá cần cụ thể hóa bằng các số liệu, trường hợp điển hình và phân tích rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất cụ thể những kiến nghị, giải pháp khắc phục trong thời gian tới. cụ thể:

**1. Kết quả thực hiện**

a. Môi trường pháp lý

b. Hạ tầng kỹ thuật

c. Ứng dụng CNTT để công bố, công khai thông tin, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

d. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

e. Ứng dụng CNTT tại Bộ phận một cửa trong việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính

f. Ứng dụng CNTT trong hoạt động nội bộ

g. Kết quả triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu

h. Nguồn nhân lực

**2. Đánh giá chung kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018**

Đánh giá từng mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra theo Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2018 của cơ quan, đơn vị, mức độ hoàn thành (số nhiệm vụ hoặc sản phẩm đã hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ hoặc sản phẩm theo kế hoạch), những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ...

**3. Những vướng mắc, tồn tại và nguyên nhân**

Nêu rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong quá trình triển khai ứng dụng CNTT.

**4. Kiến nghị, đề xuất**

Đề xuất, kiến nghị cụ thể để khắc phục các hạn chế, vướng mắc.

**II. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

Nêu những căn cứ để xây dựng Kế hoạch, cụ thể như:

- Luật Công nghệ thông tin; Luật Giao dịch điện tử; Luật An toàn thông tin;

- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

- Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 của Chính phủ đã được ban hành theo Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011;

- Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26/8/2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 30/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC;

- Quyết định 846/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dịch vụ công trực tuyến mức 3, mức 4 các bộ, ngành, địa phương triển khai năm 2017;

- Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 triển khai tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2018-2019;

- Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020;

- Văn bản số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Phiên bản 1.0;

- Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 11/3/2016 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch hành động số 1304/KH-UBND ngày 16/5/2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

- Kế hoạch số 170/KH-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về Đảm bảo An toàn an ninh thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch số 2521/KH-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh về Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020;

- Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020 của cơ quan, đơn vị;

- Văn bản hướng dẫn xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2019 của Sở Thông tin và Truyền thông;

- Các văn bản chủ trương, hướng dẫn của địa phương, Bộ, ngành…

**III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2018**

Căn cứ nội dung, yêu cầu tại văn bản hướng dẫn này, căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2018, cơ quan, đơn vị đề xuất mục tiêu ứng dụng CNTT năm 2019 hướng tới thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của tỉnh và của cơ quan, đơn vị đã đề ra… và Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2016-2020 của cơ quan, đơn vị mình. Trong đó, các mục tiêu cần định lượng cụ thể và phải có tính khả thi, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu, nguồn lực của tỉnh và của cơ quan, đơn vị. Một số chỉ tiêu cụ thể như: Tăng tỷ lệ % dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ % hồ sơ dịch vụ công được xử lý trực tuyến,...

**IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

Căn cứ mục tiêu năm 2019, các cơ quan, đơn vị xác định các nội dung ứng dụng CNTT cần triển khai trong năm 2019. Nội dung Kế hoạch bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

**1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước**

Xác định rõ các nội dung ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan nhà nước, trong đó ưu tiên tập trung hoàn thiện hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thư điện tử, các hệ thống phần mềm ứng dụng chuyên ngành,…

**2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Xác định rõ các nội dung, quy mô, phạm vi, hình thức cung cấp các ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp, trong đó ưu tiên triển khai các nội dung sau:

- Hoàn thiện, nâng cấp Trang/Cổng Thông tin điện tử để cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ Quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến và bảo dảm khả năng truy cập thuận tiện đối với trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- Thực hiện cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 phù hợp với nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp theo tinh thần hướng tới hiệu quả triển khai ứng dụng CNTT (bao gồm thời gian, chi phí,…), tăng cường tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, đơn giản hóa hồ sơ, giấy tờ giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp, hướng tới mực tiêu 40% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến tại mức độ 3, 30% hồ sơ được xử lý trực tuyến đối với các dịch vụ công đã được cung cấp trực tuyến tại mức độ 4.

- Ứng dụng CNTT tại bộ phận một cửa, hướng tới kết nối, liên thông các cấp.

- Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích, kết nối mạng thông tin phục vụ công việc này theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định một số nội dung và biện pháp thi hành Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

**3. Xây dựng, hoàn thiện các HTTT, CSDL chuyên ngành tạo nền tảng phát triển Chính quyền điện tử**

Nội dung này, các cơ quan, đơn vị xác định cụ thể các HTTT, CSDL dự định triển khai (bao gồm cả các HTTT, CSDL triển khai tiếp; triển khai mới), trong đó ưu tiên các HTTT, CSDL tạo nền tảng, dùng chung (Các HTTT, CSDL ngành, lĩnh vực cần đảm bảo đồng bộ, thống nhất với các HTTT, CSDL do các Bộ, ngành triển khai để tránh trùng lặp).

Các HTTT, CSDL triển khai bảo đảm nội dung về kết nối, chia sẻ và liên thông các cấp theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Văn bản số 1655/VPCP-KSTT ngày 13/02/2018 của Văn phòng Chính phủ về liên kết, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin một cửa điện tử và phải tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử/Kiến trúc Chính quyền điện tử của các Bộ, ngành, Thông tư số 13/2017/TT-BTTTT ngày 23/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định các yêu cầu kỹ thuật về kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các CSDL quốc gia và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Thông tin và Truyền thông.

**4. Phát triển nguồn nhân lực**

Xác định cụ thể các nội dung phát triển nguồn nhân lực như về số lượng, quy mô, nội dung đào tạo phù hợp nhu cầu, điều kiện thực tế. Xem xét, ưu tiên một số nội dung cơ bản như:

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ, công chức về kỹ năng sử dụng, khai thác các HTTT;

- Đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên trách về CNTT các nội dung chuyên sâu về quản trị mạng, quản trị hệ thống; an toàn, an ninh thông tin;...

**5. Phát triển hạ tầng kỹ thuật**

Xác định rõ các nội dung phát triển hạ tầng kỹ thuật, trong đó cần xác định cụ thể phạm vi, mức độ phát triển tới cấp nào; nội dung đầu tư cụ thể, chẳng hạn như hạ tầng máy tính; hạ tầng mạng; hạ tầng kết nối; hạ tầng an toàn thông tin, …. trong đó, lưu ý đầu tư theo hướng đồng bộ, thống nhất và xem xét ưu tiên triển khai một số nội dung nền tảng.

**6. Bảo đảm an toàn thông tin**

- Cần xác định đảm bảo an toàn thông tin phải gắn liền với hoạt động ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, xây dựng Chính phủ điện tử, xây dựng Chính quyền điện tử. Đề ra các giải pháp tăng cường triển đảm bảo an toàn thông tin cho các hệ thống, phần mềm, hạ tầng ứng dụng CNTT; kiện toàn, bố trí cán bộ chuyên trách quản lý về an toàn thông tin cho đơn vị;…

- Nội dung này thực hiện theo các văn bản quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ngoài nội dung trên, căn cứ nhu cầu thực tế và nguồn lực của cơ quan, đơn vị bổ sung các nhiệm vụ khác để thực hiện mục tiêu đề ra.

**V. GIẢI PHÁP**

Xác định rõ các giải pháp thực hiện Kế hoạch, có thể bao gồm (không giới hạn) các nội dung chính sau:

**1. Giải pháp môi trường chính sách**

Cần xác định rõ các văn bản tạo môi trường pháp lý để thúc đẩy, triển khai ứng dụng CNTT của cơ quan mình. Ưu tiên các văn bản, chính sách như: Hoàn thiện các quy chế, quy định về an toàn thông tin; quy chế, quy định về ứng dụng chữ ký số; Các cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp qua môi trường mạng; Chính sách khuyến khích, hỗ trợ cán bộ chuyên trách CNTT trong các cơ quan nhà nước; Quy chế, quy định gắn kết chặt chẽ hoạt động ứng dụng CNTT của tổ chức, của cán bộ, công chức với công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm; Quy chế, quy định nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư ứng dụng CNTT,…

**2. Giải pháp tài chính**

Cần đề ra các giải pháp đảm bảo nguồn tài chính thực hiện các nhiệm vụ Kế hoạch đã đề ra, trong đó xác định cụ thể nguồn kinh phí; đề ra các giải pháp để thu hút, huy động nguồn lực từ xã hội, thuê dịch vụ,…

**3. Giải pháp gắt kết chặt chẽ ứng dụng CNTT với cải cách hành chính**

Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ ứng dụng CNTT với cải cách quy trình, thủ tục hành chính.

**4. Giải pháp tổ chức triển khai**

**5. Giải pháp kỹ thuật công nghệ và các giải pháp khác**

**VI. DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN (là căn cứ để triển khai thực hiện năm 2019)**

Trên cơ sở đảm bảo nguồn lực triển khai, trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, tránh trùng lặp lãng phí đề xuất các nhiệm vụ, dự án cho phù hợp. Mẫu danh mục như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên nhiệm vụ, dự án | Đơn vị chủ trì triển khai | Lĩnh vực ứng dụng | Dự án chuyển tiếp hay dự án mới | Mục tiêu đầu tư | Quy mô nội dung đầu tư | Phạm vi đầu tư | Thời gian triển khai | Nội dung đầu tư năm 2019 | Tổng mức đầu tư dự kiến | Nguồn vốn *(ghi rõ nguồn vốn là Ngân sách Trung ương; ngân sách địa phương; vốn ODA,…)* | Kinh phí đầu tư năm 2019 |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Xác định trách nhiệm của các đơn vị trong việc triển khai Kế hoạch.